

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST

Ngày 23-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt
hại do vi phạm hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Quế

Ông Hoàng Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị P Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2024/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa:

I. Nguyên đơn: Công ty PT (Viết tắt là Công ty I). Người đại diện theo pháp luật: Bà E – Giám đốc. Địa chỉ: Số 18 đường Shell, Kingsfiled Centre, 18th Floor, Unit 03, North Point, Hong Kong.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lạc Thị Tú D; Ông Trần Văn P; Bà Lê Vũ Ngọc T. Cùng địa chỉ: Công ty Luật TNHH Lạc D và các Cộng sự - Phòng 603, tầng 6, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

II. Bị đơn: Công ty TNHH V (gọi tắt là V). Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức H – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Tuấn H, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T (địa chỉ: Tổ dân Phố L thị trấn C, huyện T, Nam Định).

III. Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thu P, sinh năm 1989 – Thành viên Công ty TNHH V
 2. Bà Dương Lệ M, địa chỉ: 199B/7 L, phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.
 3. Bà Trần Thị L1 – Giám đốc Công ty V
- Tại phiên tòa sơ thẩm: các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-09-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là Công ty I; người đại diện theo ủy quyền của Công ty I trình bày:

Nhiều năm qua, giữa Công ty I và Công ty V có mối quan hệ khách hàng thân thiết. Cụ thể, trước khi xảy ra tranh chấp, I đã bán thành công cho V hàng loạt giao dịch, các đơn hàng dầu hỏa/nhiên liệu thông qua hình thức trao đổi và xác nhận mua bán hàng qua điện thoại, Zalo, eMI, bao gồm: Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phú An 369 đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và eMI vào tháng 12-2020. Sau đó, V đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2012065 ngày 19-01-2021; (Có các tin nhắn Zalo xác nhận đơn hàng I gửi cho V; EMI xác nhận đơn hàng I gửi cho V vào ngày 18-12-2020; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 18-12-2020; Hóa đơn INV-2012065 đề ngày 29-12-2020; Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2012065 ngày 19-01-2021 là căn cứ.) Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phú An 369 đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và eMI vào tháng 02-2021. Sau đó, V đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2102004 ngày 04-3-2021; (Có các tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng I gửi cho V; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 26-01-2021; Hóa đơn INV-2102004 đề ngày 03-02-2021; Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2102004 ngày 04-3-2021 là căn cứ.) Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phú An 369 đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và eMI vào tháng 3-2021. Sau đó, V đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2103005 ngày 26-4-2021; (Có các tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng I gửi cho V; EMI xác nhận đơn hàng V gửi cho I vào ngày 03-3-2021; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 02-3-2021; Hóa đơn INV-2103005 đề ngày 26-3-2021; Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2103005 ngày 26-4-2021 là căn cứ.) Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phú An 369 đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và eMI vào tháng 5-2021. Sau đó, V đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2105021 ngày 14-6-2021; có các tin nhắn zalo xác nhận đơn hàng I gửi cho V vào ngày 28-4-2021; EMI xác nhận đơn hàng I gửi cho V vào ngày 28-4-2021; EMI xác nhận đơn hàng V gửi cho I vào

ngày 29-4-2021; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 28-4-2021; Hóa đơn INV-2105021 đề ngày 13-5-2021; Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2105021 ngày 14-6-2021 là căn cứ.) Đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phú An 368 đã được hai bên xác nhận và đồng ý giao dịch qua tin nhắn Zalo và eMI vào tháng 6-2021. Sau đó, V đã hoàn tất thanh toán cho I căn cứ theo Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2106017 ngày 12-7-2021; (có EMI xác nhận đơn hàng I gửi cho V vào ngày 03-6-2021; EMI I gửi Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và Điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 cho V vào ngày 04-6-2021; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 03-6-2021; Hóa đơn INV-2106017 đề ngày 15-6-2021; Điện thanh toán thành công của Hóa đơn INV-2106017 ngày 12-7-2021 là căn cứ.)

Tương tự như những giao dịch nêu trên, ngày 07-7-2022, bà Trần L1 là đại diện của V đã gửi tin nhắn qua Zalo cho bà M là đại diện của I yêu cầu báo giá đơn hàng mua bán nhiên liệu tàu biển cho tàu nhận hàng mang số hiệu MV. Phu An 368. Sau khi hai bên đã thống nhất đơn hàng qua Zalo, bà M đã sử dụng eMI hcmmarketing@I.com gửi eMI xác nhận đơn hàng đến eMI của bà Trần L1 tranL1.phuanshipping@gMI.com. Nội dung đơn hàng cụ thể như sau: I đồng ý bán và V đồng ý mua 30 - 50 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1010 USD thuộc chủng loại VLSFO và 50 - 80 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1050 USD thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Tàu nhận hàng là MV. Phu An 368. Cảng nhận hàng là Singapore Eopl. Ngày giao hàng là từ ngày 19-7-2022 đến ngày 23-7-2022. V sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho I trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng (Sau đây gọi tắt là “Đơn Hàng”). (Có các tin nhắn Zalo và các eMI trao đổi giữa bà Trần L1 – đại diện của V và bà M – đại diện của I vào ngày 07-7-2022 là căn cứ.) Sau khi xác nhận đơn hàng với V, ngày 08-7-2022, I đã tiến hành đặt hàng với số lượng tương ứng cho tàu nhận hàng MV. Phu An 368 với nhà cung cấp Eminence Oil Trading Pte Ltd (“Eminence”).(Có Giấy xác nhận bán hàng số IDF/EOT/009/22 của Eminence cho I.). Ngày 09-7-2022, I sử dụng eMI account@I.com gửi hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 (“Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 01”) đến eMI của V Phuanshipping@vnn.vn và đính kèm theo là Điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019. Vào lúc 17 giờ 17 phút ngày 14-7-2022, đại diện của V gửi tin nhắn qua Zalo và sử dụng eMI tranL1.phuanshipping@gMI.com gửi đến eMI hcmmarketing@I.com của đại diện của I với nội dung đề nghị I giảm giá cho V vì hiện tại giá dầu trên thị trường đang giảm mạnh. Cụ thể, V yêu cầu I giảm giá 970 USD cho chủng loại VLSFO và 1020 USD cho chủng loại MGO. Sau khi hai bên thỏa thuận đồng ý giảm giá xuống còn 1000 USD cho chủng loại VLSFO và 1047 USD cho chủng loại MGO qua Zalo, vào lúc 21 giờ 42 phút ngày 14-7-2022, đại diện của I đã sử dụng eMI hcmmarketing@I.com gửi đến eMI của đại diện của V tranL1.phuanshipping@gMI.com với nội dung xác nhận đồng ý giảm giá cho V:

“Như đã thảo luận và thống nhất, chúng tôi sẽ đặc biệt giảm giá cho giao dịch trong giai đoạn này xem như sự hỗ trợ thiện chí của chúng tôi. Giá mới sẽ là 1000\$/1047\$ + 500\$ vận chuyên”) (“Đơn Hàng 02”). (Có các tin nhắn Zalo và các eMI trao đổi giữa bà Trần L1 – đại diện của V và bà M – đại diện của I vào ngày 14-7-2022 là căn cứ.). Căn cứ theo đơn hàng 02, vào ngày 18-7-2022, I sử dụng eMI account@I.com gửi Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 đã điều chỉnh đơn giá (“Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02”) và đính kèm theo là điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 đến eMI của V Phuanshipping@vnn.vn. Theo Điều 2 của Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02: I đã đồng ý bán và V đã đồng ý mua 30 – 50 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1000 USD thuộc chủng loại VLSFO và 50 – 80 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1047 USD thuộc chủng loại MGO, phí chuyên hàng tương ứng là 500 USD. Tàu Nhận Hàng là MV. Phu An 368. Cảng nhận hàng là Singapore EOPL. Ngày giao hàng là từ ngày 19-7-2022 đến ngày 23-7-2022. V sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho I trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. (Có eMI I gửi cho V vào ngày 18-7-2022; Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02 và điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 là căn cứ.). Tuy nhiên, ngày 20-7-2022, tức 01 ngày sau ngày bắt đầu của ngày giao hàng đã thỏa thuận, đại diện của V đột ngột nhắn tin cho đại diện của I qua Zalo thông báo hủy bỏ đơn hàng với lý do tàu nhận hàng MV. Phu An 368 không thể cập cảng Singapore EOPL để nhận hàng. Sau đó, đại diện của I đã thông báo qua Zalo cho đại diện của V rằng I đã đặt hàng cho tàu nhận hàng MV. Phu An 368 với Eminence và một khi V hủy bỏ đơn hàng của tàu nhận hàng thì I sẽ phải hủy đơn hàng tàu nhận hàng MV. Phu An 368 với Eminence, cụ thể trong tin nhắn Zalo từ đại diện của Indofules gửi V đã thể hiện rằng: “phí cancellation vẫn bị supplier charge đó chị, em báo lại. [...] ETA 19-23 nhưng hôm nay 20 rồi , supplier chắc chắn sẽ charge dù là lí do gì đó chị”. Tuy nhiên, dù đã được thông báo như trên, đại diện của V vẫn nhất quyết đơn P hủy bỏ đơn hàng và không đồng ý thanh toán các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. Cụ thể, đại diện của V đã sử dụng eMI tranL1.phuanshipping@gMI.com gửi đến eMI của đại diện của I hcmmarketing@I.com với nội dung xác nhận hủy đơn hàng vì tàu nhận hàng không thể đến cảng đúng hạn “Như chúng ta đã thảo luận, do chúng tôi gặp một số rắc rối với kế hoạch, tàu nhận hàng của chúng tôi không thể gọi OPL để bốc dỡ hàng trong khoảng thời gian từ ngày 19 đến ngày 23 tháng 7. vì vậy chúng tôi không thể đưa tàu về kịp thời gian này. chúng tôi đề nghị hủy đơn đặt hàng này”) (“EMI hủy đơn hàng”). Vì V đã hủy bỏ đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phu An 368 với I, I phải hủy đơn hàng của tàu nhận hàng MV. Phu An 368 với Eminence. Ngày 21-7-2023, Eminence đã gửi Hóa đơn số INV1021/22 yêu cầu I thanh toán tiền phí hủy đơn hàng là 3.888 USD. Ngày 22-7-2022, I đã thanh toán tiền phí hủy đơn hàng cho Eminence theo Hóa đơn số INV1021/22 nêu trên. Vào lúc 10 giờ 49 phút ngày 26-7-2022, I đã sử dụng eMI account@I.com gửi eMI đính kèm Hóa đơn số INV-2207054 đến eMI của V là Phuanshipping@vnn.vn yêu cầu V bồi thường cho I các chi phí liên quan đến

việc hủy bỏ đơn hàng là 10.000 USD (Mười ngàn Đô La Mỹ) nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ V. Vì vậy, vào ngày 18-8-2022, I tiếp tục sử dụng eMI account@I.com gửi thư điện tử đính kèm Hóa đơn số INV-2207054 đến địa chỉ thư điện tử của V là Phuanshipping@vnn.vn yêu cầu V bồi thường cho I các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. Hạn chót cho việc thanh toán các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng là 5 giờ chiều ngày 18-8-2022 theo giờ Hồng Kông. Tuy nhiên, cho đến ngày 19-8-2022, I vẫn không nhận được bất kỳ khoản bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng nào từ V. Tiếp tục, I đã cử Công ty Luật TNHH Lạc D và Các Cộng Sự nhiều lần trao đổi và gửi thư yêu cầu đến V vào các ngày 24-8-2022 và ngày 01-9-2022, yêu cầu V thực hiện nghĩa vụ bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. Sau khi nhận được thư yêu cầu và thư điện tử trao đổi, V đã xác nhận qua điện thoại rằng đã nhận được thư yêu cầu cũng như thư điện tử, đồng thời xác nhận có sự hủy bỏ đơn hàng và V phản hồi rằng không đồng ý bồi thường các chi phí liên quan đến việc hủy bỏ đơn hàng. Vào ngày 27-12-2022, I đã nộp đơn khởi kiện V tại T Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để yêu cầu V phải bồi thường tương đương với số tiền thiệt hại mà I phải gánh chịu. Ngày 1-6-2023, I nhận được Quyết định về thẩm quyền của vụ tranh chấp số 169/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc T Trọng tài Quốc tế Việt Nam đề ngày 31-5-2023 (“Quyết định về thẩm quyền”). Theo đó, Hội đồng Trọng tài quyết định Hội đồng Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Công ty PT và Công ty TNHH V phát sinh từ Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 vì hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 chưa có hiệu lực và Thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 4.2 của hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 không tồn tại. Đến ngày 08-6-2023, chúng tôi nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết Vụ tranh chấp số 169/22 HCM của Hội đồng Trọng tài thuộc T Trọng tài Quốc tế Việt Nam đề ngày 07-6-2023 (“Quyết định đình chỉ”). Nhận thấy hành vi hủy bỏ đơn hàng của V đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với I, không còn lựa chọn nào khác, I buộc phải khởi kiện V tại Tòa án có thẩm quyền để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của I theo quy định của pháp luật hiện hành. I đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định buộc V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ), tương đương 236.600.000 VND (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) (1 USD = 23.660 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank vào ngày 13-6-2023), cụ thể bao gồm:

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 3.888 USD (Ba ngàn tám trăm tám mươi tám Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra.

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 4.510 USD (Bốn ngàn năm trăm lẻ mười Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi đơn P hủy bỏ Đơn Hàng 02 và Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02 của V.

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 1.602 USD (Một ngàn sáu trăm lẻ hai Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra.

II. Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Chu Tuấn Hải trình bày: Có việc ngày 07-7-2022, bà Trần L1 đã gửi tin nhắn qua Zalo cho bà M – đại diện của I yêu cầu báo giá đơn hàng mua bán nhiên liệu tàu biển cho tàu nhận hàng mang số hiệu MV. Phu An 368. Vào cùng ngày, sau khi hai bên đã thống nhất về đơn hàng qua Zalo, bà M đã sử dụng eMl hcmmarketing@I.com gửi eMl xác nhận đơn hàng đến eMl của bà Trần L1 tranL1.phuanshipping@gMl.com. Nội dung đơn hàng cụ thể như sau: I đã đồng ý bán và V đã đồng ý mua 30 - 50 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1010 USD thuộc chủng loại VLSFO và 50 - 80 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1050 USD thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Tàu Nhận Hàng là MV. Phu An 368. Cảng Nhận Hàng là Singapore EOPL. Ngày Giao Hàng là từ ngày 19-7-2022 đến ngày 23-7-2022. V sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho I trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng.

Tuy nhiên bà Trần L1 không phải là người đại diện theo pháp luật và cũng không phải là thành viên của Công ty TNHH V mà bà L1 là giám đốc của Công ty cổ phần Phú An. Bà L1 cũng không được nhận giấy ủy quyền của Công ty TNHH V để đại diện TNHH V tham gia các giao dịch dân sự liên quan đến Công ty.

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi 10.000 USD của Công ty PT hiện uỷ quyền cho Công ty Luật Lạc D khởi kiện là không có căn cứ bởi các lý do sau: Cần xác định rõ chủ thể khi được ký hợp đồng trong kinh doanh. Trong vụ án này xét yêu cầu bồi thường thì thấy. Đại diện công ty Công ty PT (địa chỉ tại: Số 18 đường Sell, Kingsfiled Centre, 18 Floor ,Unit 03, North Point Hong Kong) do bà Elizabeth Lee là người đại diện theo pháp luật. Trong vụ việc này bà Elizabeth Lee không đàm phán trực tiếp, không có giao dịch nào với Công ty TNHH V qua người đại diện theo pháp luật là ông Trần Đức Hà. Xét các quy định của pháp luật thì thấy: Những người có thẩm quyền cao nhất (là người đại diện theo pháp luật) không tiến hành giao dịch với nhau. Xét về việc giao dịch của bà Trần L1 và bà M (cả hai người đều không được phân công, không có Giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật) để được đứng ra đàm phán thay mặt Công ty mua bán nhiên liệu. Quá trình đàm phán hai bên không tuân thủ bất kỳ quy định nào của pháp luật Việt Nam về hợp đồng cũng như pháp luật Singgapo về hợp đồng giao dịch mua bán hàng hoá. Từ trước đến nay hai Công ty cũng không ký bất kỳ một điều khoản nào cho phép các bên coi giao dịch của eMl và zalo của các cá nhân đương nhiên là hợp đồng. Việc bà L1 giao dịch với bà M không tuân theo bất kỳ điều kiện nào của hợp đồng kinh doanh thương mại. Luật dân sự 2015 cũng như Luật giao dịch điện tử 2005. Do đó không đủ cơ sở để cho rằng giữa hai công ty Công ty PT và Công ty TNHH V phát sinh hợp đồng cho nên không có căn cứ xác định việc bồi thường, việc phạt hợp đồng và các căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng mua bán nhiên liệu. Do đó,

không có bất kỳ một hợp đồng mua bán nhiên liệu nào được ký bởi người đại diện theo pháp luật giữa hai công ty là Công ty PT và Công ty TNHH V cho nên không là căn cứ làm phát sinh quyền bồi thường thiệt hại như phía nguyên đơn yêu cầu. Các căn cứ về zalo về eMI phía nguyên đơn đưa ra nộp cho Tòa án đều là của những người không thuộc công ty, không là đại diện cho công ty và đều bản photo, không chứng thực không có đủ cơ sở chứng minh nghĩa vụ bồi thường giữa các bên. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH V nhận thấy việc Công ty PT (địa chỉ tại: Số 18 đường Sell, Kingsfiled Centre, 18 Floor, Unit 03, North Point Hong Kong) do bà Elizabeth Lee là người đại diện khởi kiện đòi bồi thường : 10.000 USD là hoàn toàn không có cơ sở và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

III. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2024 bà Trần Thị L1 Giám đốc Công ty cổ phần Phú An trình bày: Ngày 07-7-2022 không có việc Công ty V cử bà Trần Thị L1 nhắn tin cho bà M (bà M là nhân viên của I hay không thì bà không biết, không biết họ tên bà M chỉ nhắn tin qua điện thoại) nhận báo giá của Công ty I, việc bà L1 nhắn tin cho bà M hỏi giá của Công ty I là với tư cách cá nhân chứ không có việc uỷ quyền của Công ty V cho bà Trần Thị L1 tham gia giao dịch với I. Bà L1 sử dụng zalo cá nhân để nhắn tin báo giá cho bà M. Sau khi nhận tin nhắn của bà L1 vào ngày 12-8-2022 thì bà M nhắn báo giá dầu MGO của I vào zalo của bà L1. Sau đó bà L1 nhắn tin lại đồng ý giá mà I đưa ra. Nội dung cụ thể bà L1 nhận được bằng Tiếng Anh dịch ra tiếng Việt là “Cảm ơn rất nhiều về sự hỗ trợ của bạn, tôi muốn xác nhận như bên dưới đơn đặt hàng của bạn, Phuan368,30-50 tấn VLSFO/50-80mts MGO, thời gian tới 19-23 tháng 7, Singapore OPL (nghĩa là vị trí cấp dầu ở Singapore), Công nợ là 30 ngày, Giá chốt 1010 -1050 +500 (phí xà L1), chúng tôi rất mong muốn mang tới phục vụ tốt nhất cho tàu của bạn, thân M I”

Vào ngày 14-7-2022, đại diện của V gửi tin nhắn qua Zalo và sử dụng eMI tranL1.phuanshipping@gMI.com gửi đến eMI hcmmarketing@I.com là đại diện của I với nội dung đề nghị I giảm giá cho V vì hiện tại giá dầu trên thị trường đang giảm mạnh. Cụ thể, V yêu cầu I giảm giá 970 USD cho chủng loại VLSFO và 1020 USD cho chủng loại MGO nhưng bà L1 không phải đại diện của V, V cũng không uỷ quyền cho bà L1 nhắn tin cho đại diện của I, bà L1 cũng không trao đổi lại thông tin này với đại diện của V.

Sau khi hai bên thỏa thuận đồng ý giảm giá xuống còn 1000 USD cho chủng loại VLSFO và 1047 USD cho chủng loại MGO qua Zalo, vào lúc 21 giờ 42 phút ngày 14-7-2022, đại diện của I đã sử dụng eMI hcmmarketing@I.com gửi đến eMI của đại diện của V tranL1.phuanshipping@gMI.com với nội dung xác nhận đồng ý giảm giá cho V: “ *Như đã thảo luận và thống nhất, chúng tôi sẽ đặc biệt giảm giá cho giao dịch trong giai đoạn này xem như sự hỗ trợ thiện chí của chúng tôi. Giá mới sẽ là 1000\$/1047\$ + 500\$ vận chuyển*”).

Bà L1 là người nhắn tin yêu cầu hủy hàng ngày 20-7-2022, tuy nhiên ngày 20-07-2022 không phải là sau 01 ngày bắt đầu giao hàng mà trước đó bà L1 thỏa thuận ngày giao hàng là ngày 19-7-2022 đến 23-7-2022 nhưng sau đó bà L1 xin

dời ngày giao hàng từ ngày 25-7-2022 đến ngày 27-7-2022 và được bên I đồng ý.

IV. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-4-2024 bà Trần Thị Thu P – Thành viên Công ty cổ phần Phú An trình bày: Công ty V có 02 thành viên là ông Trần Đức Hà và bà Trần Thị Thu P trong đó ông Hà là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty, bà P là thành viên, bà Trần Thị L1 là thành viên Công ty cổ phần Phú An không phải là thành viên của V. Theo như hồ sơ trước đây thì Công ty V có giao dịch mua bán nhiên liệu của Công ty I, có việc thanh toán giữa hai Công ty trước đây. Việc giao dịch trước đây giữa hai Công ty diễn ra cụ thể như sau: chúng tôi nhắn tin qua zalo hoặc eMI của cá nhân để hỏi giá Công ty I, sau đó Công ty I báo giá cho chúng tôi qua zalo hoặc eMI của cá nhân phuongtran@phuanshipping@gmail.com, zalo có số điện thoại của tôi là 0963815205. I cử bà M (tôi không biết họ, không biết địa chỉ cụ thể của bà M chỉ biết bà M sống ở thành phố Hồ Chí Minh) có số điện thoại zalo là 0708081966. Sau khi đặt hàng Công ty V sẽ điều tàu tới địa điểm đã đặt để nhận dầu nếu đủ hàng theo yêu cầu và không có phát sinh tranh chấp gì thì sẽ ký vào biên bản nhận dầu. Sau khi có biên bản nhận dầu có chữ ký của thuyền trưởng thì biên bản này sẽ được gửi về cho Công ty cùng với hóa đơn của I là căn cứ để thanh toán tiền dầu. Đến hạn thanh toán thông thường là 30 ngày sau ngày cấp dầu thì Công ty sẽ thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản. Chưa bao giờ hai bên Công ty ký kết hợp đồng với nhau, Công ty V chưa bao giờ nhận được hợp đồng của I về việc hai bên thỏa thuận mua bán nhiên liệu. Công ty V không sử dụng eMI Phuanshipping@vnn.vn trong các giao dịch dân sự với bất kỳ Công ty nào nên không biết việc I có gửi hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 từ eMI account@I.com gửi đến eMI của vận tải Phuanshipping@vnn.vn hay không. Phuanshipping@vnn.vn. Không phải là MI của V nên V không biết về việc ngày 18-07-2022 có việc I sử dụng eMI account@I.com gửi Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 đã điều chỉnh đơn giá và đính kèm theo là điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển – phiên bản tháng 6-2019 đến eMI của V Phuanshipping@vnn.vn không. V thì không nhận được các tin nhắn của I về việc nếu hủy bỏ đơn hàng thì phải chịu các chi phí kèm theo nhưng bà L1 thì nhận được, bà L1 không nói lại cho đại diện cho V biết. Sau đó bà L1 và bà M tự thỏa thuận không thực hiện giao dịch này nữa.

V. Tại bản tự khai bà Dương Lệ M trình bày: Bà có cùng quan điểm như nội dung trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện của I.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty I giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: giữa các bên đã tồn tại một thói quen thương mại liên quan đến việc giao kết các hợp đồng mua bán hàng hóa được hình thành và lặp đi lặp lại trong suốt một khoảng thời gian dài và đã được các bên thừa nhận suốt quá trình hợp tác với nhau để hoạt động kinh doanh. Giữa Công Ty I và

Công ty V đã tồn tại 02 hợp đồng mua bán nhiên liệu hợp pháp, có hiệu lực, phù hợp hoàn toàn với quy định của CISG 1980 và pháp luật Việt Nam để làm cơ sở đánh giá trách nhiệm bồi thường thiệt hại của Công Ty V. Đối chiếu với các quy định của pháp luật Việt Nam, tranh chấp về việc đơn P hủy bỏ Đơn hàng 01, Đơn hàng 02 và Hợp đồng 01, Hợp đồng 02 của Công ty I và Công ty V không thuộc trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 79 CISG 1980, Điều 294 Luật thương mại 2005 và Điều 351.3 BLDS 2015; và có đủ căn cứ để xác định việc Công ty V có trách nhiệm bồi thường cho Công ty I toàn bộ các thiệt hại phát sinh do hành vi đơn P hủy bỏ Đơn hàng 01, Đơn hàng 02 và Hợp đồng 01, Hợp đồng 02 theo quy định tại Điều 74 CISG 1980, Điều 302, 303 LTM 2005, Điều 360, 584 BLDS 2015, Điều 2 Nghị quyết 02 và các quy định pháp luật có liên quan khác. Đối với thiệt hại mà V gây ra bao gồm việc hủy đơn hàng I phải trả tiền cho bên cung cấp nguyên liệu theo đơn của V, từ việc hủy đơn hàng dẫn đến thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Công ty V và thiệt hại hình ảnh, uy tín mà I phải chịu do hành vi vi phạm của Công ty V gây ra. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của I.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà L1 không đại diện cho Công ty V thực hiện các giao dịch với Công ty I, các tin nhắn giữa bà L1 và bà M là các trao đổi mang tính cá nhân, giữa Công ty V và Công ty I chưa bao giờ ký kết hợp đồng mua bán nhiên liệu với nhau và cũng chưa ký hợp đồng mua bán nhiên liệu ngày 07-7-2022. Nên yêu cầu khởi kiện của Công ty I là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Dương Lệ M có quan điểm trình bày như quan điểm của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ), tương đương 236.600.000 VND (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) (1 USD = 23.660 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank vào ngày 13-6-2023), cụ thể bao gồm:

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 3.888 USD (Ba ngàn tám trăm tám mươi tám Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra.

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 4.510 USD (Bốn ngàn năm trăm lẻ mười Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ

được hưởng nếu không có hành vi đơn P hủy bỏ Đơn Hàng 02 và Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02 của V.

Buộc V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 1.602 USD (Một ngàn sáu trăm lẻ hai Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra. Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như trên.

Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty I có trụ sở chính tại Hồng Kông, không có chi nhánh, hoặc đại diện của Công ty tại Việt Nam khởi kiện Công ty TNHH V có trụ sở chính tại Việt Nam, thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam. Quá trình giải quyết tranh chấp Công ty I đã nộp đơn khởi kiện Công ty TNHH V tại T Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC), tuy nhiên T trọng tài quốc tế đã ban hành quyết định số 169/22 HCM ngày 31-5-2023 về việc đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp giữa Công ty PT và Công ty V phát sinh từ Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 vì thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 4.2 của Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 và thỏa thuận trọng tài quy định tại Điều 25 của điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển không có hiệu lực đối với V. Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đây được xem là “thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”. Theo quy định tại Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý; trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”. Đối chiếu với quy định trên thì thấy rằng, do thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định thụ lý đơn khởi kiện của Công ty I là phù hợp với quy định của pháp luật về trọng tài thương mại và các Điều 30, Điều 35 và Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Công ty I khởi kiện Công ty V về việc không thực hiện Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 gây thiệt hại cho Công ty I nên Công ty I yêu cầu Công ty V bồi thường thiệt hại do việc không thực hiện hợp đồng gây ra. Công ty V trình bày chưa bao giờ ký Hợp

đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển đề ngày 07-7-2022 như Công ty I trình bày do đó không có việc Công ty V không thực hiện hợp đồng nên không gây thiệt hại cho Công ty I. Vì vậy, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng”.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án Công ty I có đơn đề nghị Tòa án yêu cầu bị đơn cung cấp thông tin liên quan đến các tin nhắn của bị đơn với Công ty cổ phần I, xét thấy trong đơn yêu cầu của Công ty I cũng không đề nghị rõ cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu cần cung cấp. Các tin nhắn được thể hiện trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp là của cá nhân tên L1, không phải là của bị đơn, bản thân bà Trần Thị L1 Giám đốc Công ty cổ phần Phú An người làm chứng trong vụ án đã xác nhận thông tin các tin nhắn này. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải cung cấp tài liệu chứng cứ này của nguyên đơn.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Do thỏa thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại bằng Trọng tài thương mại không được chấp nhận, các bên tranh chấp không cùng thuộc các quốc gia là thành viên của điều ước quốc tế về tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn và không thỏa thuận với nhau về việc áp dụng pháp luật nước khác để giải quyết tranh chấp. Công ty I khởi kiện Công ty V tại Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nên pháp luật áp dụng được xác định là pháp luật Việt Nam. Tại điều 4 của hợp đồng xác định “Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam” nên việc áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết tranh chấp là có căn cứ.

[3] Tính hợp pháp của hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022:

[3.1] Cơ sở hình thành hợp đồng: Hợp đồng mua bán nhiên liệu được hình thành trên cơ sở các cuộc nói chuyện, nhắn tin giữa các bên qua ứng dụng Zalo để thảo luận, thống nhất về giá nhiên liệu, tàu, thời gian nhiên liệu, số lượng ...v.v. Các tin nhắn được trao đổi theo cung cấp của nguyên đơn được thực hiện giữa bà M và bà L1. Xét thấy căn cứ điều lệ Công ty V thì Công ty V có 02 thành viên gồm ông Trần Đức Hà và bà Trần Thị Thu P. Tại Điều 7 của Điều lệ Công ty TNHH V thì Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật D nhất là ông Trần Đức Hà là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty. Tại khoản 1 Điều 29 và điểm e khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty TNHH V xác định Giám đốc Công ty có thể là thành viên Hội đồng thành viên có thể ký kết hợp đồng nhân danh công ty. Trong Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty V cũng xác định người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Trần Đức Hà chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc Công ty.

Tại Điều lệ Công ty I và Giấy đăng ký doanh nghiệp xác định Công ty I có đại diện theo pháp luật là bà Elizabeth Lee – Giám đốc, tại điểm j mục 18 điều lệ Công ty xác định quyền của Giám đốc tham gia vào tất cả các cuộc đàm phán và hợp đồng như vậy, hủy bỏ và thay đổi tất cả các hợp đồng đó, đồng thời thực hiện và thực hiện tất cả các hành động, việc làm và những việc dưới danh nghĩa

và thay mặt cho Công ty khi họ cho là phù hợp hoặc liên quan đến bất kỳ vấn đề nào nêu trên hoặc vì mục đích của Công ty.

Quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH V khẳng định không ủy quyền cho bà L1 đại diện cho Công ty TNHH Phú An nhắn tin, liên lạc đến đại diện của Công ty I để tiến hành thảo luận, thương thảo, giao kết hợp đồng. Về phía Công ty I cũng không có tài liệu, chứng cứ nào xác định việc Công ty I cử đại diện là bà M thay mặt công ty thương thảo hợp đồng với Công ty V. Mặt khác Công ty I thành lập tại nước ngoài, không có cơ sở đại diện hoặc chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, bà M không xuất trình hợp đồng lao động kí kết giữa I với bà M nên không thể xác định bà M có là nhân viên Công ty I và có đại diện cho Công ty I tham gia giao dịch tại Việt Nam hay không.

Do vậy, có thể kết luận các tin nhắn do nguyên đơn xuất trình được xác định là tin nhắn giữa các cá nhân với nhau, không phải là đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền đại diện cho Công ty I và Công ty V thương thảo, giao kết hợp đồng. Do đó, hợp đồng hình thành trên cơ sở tin nhắn giữa các cá nhân với nhau không đại diện cho hai Công ty nên không có giá trị đối với Công ty TNHH V nên không được chấp nhận.

[3.2] Hình thức của hợp đồng: Hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022 và điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển tháng 06-2019 được lập bằng văn bản song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Tuy nhiên bản Hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022 chưa dịch đầy đủ từ tiếng Anh sang tiếng Việt, đặc biệt là phần thông tin của bên mua. Tại thông tin người đại diện theo pháp luật của bên mua trong hợp đồng thể hiện là ông Trần Đức Hà, tuy nhiên bên bán người đại diện của I không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH V mà là người khác.

Theo quy định khoản 2 Điều 5 của hợp đồng xác định “Hợp đồng này có thể được ký bởi các bên thông qua thư điện tử, fax hoặc bất kỳ hình thức liên hệ nào miễn là bằng văn bản và thể hiện được sự đồng ý của mỗi bên chịu sự ràng buộc của hợp đồng này” và tại khoản 4 Điều 5 của hợp đồng xác định “các bên ký tên dưới đây đã đọc và đồng ý chịu sự ràng buộc của hợp đồng này. Hợp đồng này được ký vào ngày được ghi đầu tiên tại đây”. Tuy nhiên, xem xét tại phần cuối hợp đồng thấy chỉ có con dấu và chữ ký của Công ty I là được thể hiện, người ký kết hợp đồng đại diện cho Công ty I không phải là Giám đốc Công ty mà là người khác, có chức danh khác. Bên phía Công ty V bỏ trống không có chữ ký và không được đóng dấu công ty. Do vậy có thể khẳng định các bên vẫn chưa thực sự đàm phán với nhau về việc ký kết hợp đồng mà vẫn đang trong quá trình trao đổi thông tin.

[3.3] Quá trình trao đổi thông tin: Ngày 07-7-2022, bà M phía nguyên đơn gửi MI cho bà L1 xác nhận đơn hàng sau khi trao đổi qua Zalo. Ngày 09-7-2022 nguyên đơn gửi EMI đính kèm hợp đồng và yêu cầu rõ ràng cho bị đơn “vui lòng Ký & Dấu để xác nhận hợp đồng chủ thể”. Ngày 14-7-2022 bà L1 nhắn tin

đề nghị giảm giá dầu bên phía bà M đồng ý, đến ngày 20-7-2022 bà L1 thông báo cho bà M sẽ có sự thay đổi về hành trình của tàu và yêu cầu chấm dứt đơn đặt hàng nhiên liệu mà không ký tên, đóng dấu vào hợp đồng. Vì vậy mặc dù một số điều khoản cơ bản của đơn hàng đã được thỏa thuận qua tin nhắn Zalo, nhưng toàn bộ hợp đồng vẫn chưa được bị đơn xác nhận. Bên được đề nghị giao kết hợp đồng đã có thông tin phản hồi về việc không chấp nhận giao kết hợp đồng. Do không có sự xác nhận, chấp nhận dưới hình thức ký tên, đóng dấu của bị đơn và bị đơn cũng từ chối đề nghị của nguyên đơn nên các bên không đạt được thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 391 BLDS.

Từ những phân tích trên HĐXX nhận thấy Giữa Công ty I và Công ty V chưa ký kết hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022. Do vậy, hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022 của Công ty I không có giá trị ràng buộc đối với Công ty TNHH V. Hợp đồng giữa các bên chưa được ký kết.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cung cấp các tài liệu là dẫn chứng để làm căn cứ đối chiếu, áp dụng để giải quyết tranh chấp vụ án này. HĐXX nhận thấy, đối với các hợp đồng cung cấp nhiên liệu trước đây đều bị bỏ trống phần chữ ký của phía bị đơn, các giao dịch trước đây giữa Công ty I và Công ty V là các giao dịch độc lập, đã được hoàn thành, các bên xác nhận đã tiến hành xong giao dịch, bên mua đã nhận được hàng và đã thanh toán đầy đủ, đến nay không có tranh chấp gì nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày từ trước đến giờ chưa bao giờ kí kết hợp đồng mua bán nhiên liệu nào với nguyên đơn, trong các hợp đồng mua bán nhiên liệu trước đây kể từ tháng 10-2020. Bị đơn luôn giữ im lặng và không trả lời bất cứ eMail nào kèm hợp đồng mua nhiên liệu đã ký bởi nguyên đơn. Do đó việc áp dụng tương tự các sự kiện pháp lý trước đây không được HĐXX xem xét.

[5]. Do hợp đồng cung cấp nhiên liệu đề ngày 07-7-2022 không có giá trị ràng buộc với Công ty V nên điều khoản và điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển cũng không có giá trị ràng buộc đối với Công ty V theo quy định tại Điều 406 BLDS. Hơn nữa điều khoản, điều kiện chung này cũng không có chữ ký, con dấu của các bên nên cũng không được chấp nhận.

Ngoài các tin nhắn và hợp đồng (phô tô) do Công ty I cung cấp thì không có các hình thức nào khác có giá trị pháp lý tương đương chứng minh việc giữa Công ty I và Công ty V có thỏa thuận mua bán hàng hóa, nhiên liệu. Căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại có thể xác định giữa Công ty I và Công ty V không có thỏa thuận mua bán nhiên liệu.

[6]. Xét yêu cầu đòi bồi thường của nguyên đơn: Do Hợp đồng cung cấp nhiên liệu ngày 07-7-2022 không có giá trị ràng buộc với Công ty V. Quá trình giải quyết vụ án bà L1 trình bày có việc ngày 07-7- 2022, bà Trần L1 đã gửi tin nhắn qua Zalo cho bà M – đại diện của I yêu cầu báo giá đơn hàng mua bán nhiên liệu tàu biển cho tàu nhận hàng mang số hiệu MV. Phu An 368. Vào cùng

ngày, sau khi hai bên đã thống nhất về đơn hàng qua Zalo, bà M đã sử dụng eMail hcmmarketing@I.com gửi eMail xác nhận đơn hàng đến eMail của bà Trần L1 tranL1.phuanshipping@gMl.com. Nội dung đơn hàng cụ thể như sau: I đã đồng ý bán và V đã đồng ý mua 30 - 50 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1010 USD thuộc chủng loại VLSFO và 50 - 80 tấn nhiên liệu tàu biển với đơn giá 1050 USD thuộc chủng loại MGO. Phí chuyển hàng tương ứng là 500 USD. Tàu Nhận Hàng là MV. Phu An 368. Cảng Nhận Hàng là Singapore EOPL. Ngày Giao Hàng là từ ngày 19-7-2022 đến ngày 23-7-2022. V sẽ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho I trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Sau đó bà L1 là người nhắn tin yêu cầu hủy hàng ngày 20-7-2022, tuy nhiên ngày 20-07-2022 không phải là sau 01 ngày bắt đầu giao hàng mà trước đó bà L1 thỏa thuận ngày giao hàng là ngày 19-7-2022 đến 23-7-2022 nhưng sau đó bà L1 xin dời ngày giao hàng từ ngày 25-7-2022 đến ngày 27-7-2022 và được bên I đồng ý.

Xét thấy, bà Trần L1 không phải là người đại diện theo pháp luật và cũng không phải là thành viên của Công ty TNHH V. Bà L1 cũng không được nhận giấy ủy quyền của Công ty TNHH V để đại diện TNHH V tham gia các giao dịch dân sự liên quan đến Công ty. Thực tế, trong vụ án này các đương sự chưa bàn giao nhiên liệu cho nhau, chưa ký các biên bản kiểm tra hàng, nhận hàng nên cũng không có căn cứ để xác định được giá trị thiệt hại mà I phải chịu do Công ty TNHH V từ chối nhận hàng.

Xét hóa đơn I đã thanh toán tiền phí hủy đơn hàng cho Công ty Eminence số INV 1021/22. HĐXX nhận thấy Eminence là Công ty thứ 3 theo trình bày của đại diện nguyên đơn là nhà cung cấp dầu cho I theo đặt hàng của Công ty V. Tuy nhiên, Công ty V xác định không biết Công ty Eminence là ai, cũng chưa từng làm việc với Eminence. Hơn nữa Công ty Eminence theo trình bày của nguyên đơn là Công ty của nước ngoài nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam đã quy định: “1. Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài lập, cấp, xác nhận trong các trường hợp sau: a) Giấy tờ, tài liệu và bản dịch tiếng Việt có công chứng, chứng thực đã được hợp pháp hoá lãnh sự”... Do đó hóa đơn số INV 1021/22 của Công ty Eminence do I xuất trình không có giá trị chứng minh cho thiệt hại thực tế mà I phải chịu để buộc Công ty V thanh toán cho mình. Do thiệt hại thực tế không xảy ra nên các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường không được chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty I và Công ty V không giao kết Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển và điều khoản, điều kiện chung cho việc bán nhiên liệu tàu biển phiên bản tháng 6 năm 2019, Công ty V cũng không gây thiệt hại cho Công ty I do việc không thực hiện hợp đồng mua bán nhiên liệu gây ra, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty I về việc yêu cầu Công ty V bồi thường thiệt hại cho Công ty I.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Công ty I không được chấp nhận nên Công ty I phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35 và Điều 37, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 391, Điều 406 BLDS, khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại, Điều 4 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20-3-2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6 Luật Trọng tài thương mại; Điều 7 của Điều lệ Công ty TNHH V; khoản 1 Điều 29 và điểm e khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty TNHH V; điểm j mục 18 điều lệ Công ty I; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PT đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho I, với tổng giá trị bồi thường thiệt hại là 10.000 USD (Mười ngàn đô la Mỹ), tương đương 236.600.000 VND (Hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) (1 USD = 23.660 VND, tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank vào ngày 13 tháng 06 năm 2023). cụ thể bao gồm:

Cụ thể: Buộc Công ty TNHH V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 3.888 USD (Ba ngàn tám trăm tám mươi tám Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại trực tiếp mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra.

Buộc Công ty TNHH V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 4.510 USD (Bốn ngàn năm trăm lẻ mười Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về khoản lợi trực tiếp mà I đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi đơn P hủy bỏ Đơn Hàng 02 và Hợp đồng cung cấp nhiên liệu tàu biển 02 của V.

Buộc Công ty TNHH V phải có trách nhiệm bồi thường cho I 1.602 USD (Một ngàn sáu trăm lẻ hai Đô La Mỹ) là giá trị thiệt hại về uy tín, hình ảnh mà I phải gánh chịu do hành vi vi phạm của V gây ra.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty PT phải nộp là 11.830.000 đồng (Mười một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty PT đã nộp là 5.000.000đ tại biên lai số 0004339 ngày 26-10-2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Công ty PT còn phải nộp 6.830.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Đức Cảnh
(Đã ký)**